

**CÔNG TY TNHH
HCL TECHNOLOGIES VIỆT NAM**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 03 năm 2020



CÔNG TY TNHH HCL TECHNOLOGIES VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Saigon Tower, 29 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	09 - 21

561784

ÔNG T
TNHH
TOÁN & T
VIỆT N

T.P.HỒ
M.S.D



CÔNG TY TNHH HCL TECHNOLOGIES VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Saigon Tower, 29 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH HCL Technologies Việt Nam (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 03 năm 2020.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng thành viên trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Prateek Aggarwal	Chủ tịch
Ông Sundaram Sridharan	Thành viên
Ông Shiv Kumar Walia	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Sundaram Sridharan	Tổng Giám đốc
Ông Bùi Tiến Long	Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH HCL TECHNOLOGIES VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Saigon Tower, 29 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Sundaram Sridharan

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng 06 năm 2020

Số: 20.566/BCKT-RSM HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng thành viên
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY TNHH HCL TECHNOLOGIES VIỆT NAM**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH HCL Technologies Việt Nam (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 29 tháng 06 năm 2020 từ trang 05 đến trang 21, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH HCL Technologies Việt Nam tại ngày 31 tháng 03 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



Lục Thị Vân

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
0172-2018-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 06 năm 2020



Lê Việt Hà

Kiểm toán viên

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
4732-2019-026-1

CÔNG TY TNHH HCL TECHNOLOGIES VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Saigon Tower, 29 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/03/2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/03/2020	Tại ngày 01/04/2019
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		12.831.875.894	8.773.503.086
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	3.609.745.462	1.749.533.972
1. Tiền	111		3.609.745.462	1.749.533.972
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		8.015.629.721	6.699.262.436
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	7.791.465.721	6.688.582.436
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		10.000.000	10.680.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.3	214.164.000	-
III. Hàng tồn kho	140		186.560.846	-
1. Hàng tồn kho	141		186.560.846	-
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.019.939.865	324.706.678
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.4	264.856.186	130.422.403
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		755.083.679	194.284.275
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.685.698.381	-
I. Tài sản cố định	220		757.717.597	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.5	757.717.597	-
Nguyên giá	222		803.121.600	-
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(45.404.003)	-
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		655.088.612	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		655.088.612	-
III. Tài sản dài hạn khác	260		272.892.172	-
1. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		272.892.172	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		14.517.574.275	8.773.503.086

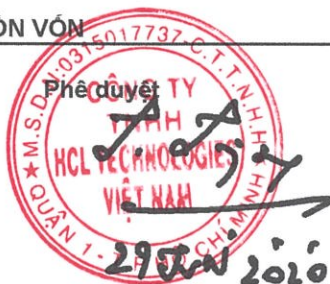
(Xem tiếp trang sau)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/03/2020

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/03/2020	Tại ngày 01/04/2019
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		12.015.240.208	6.904.859.225
I. Nợ ngắn hạn	310		6.105.990.208	6.904.859.225
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	4.6	2.616.636.106	14.040.000
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.7	456.151.779	181.050.681
3. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.8	2.391.741.252	912.518.544
4. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	4.9	286.192.071	-
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.10	355.269.000	-
6. Vay ngắn hạn	320		-	5.797.250.000
II. Nợ dài hạn	330		5.909.250.000	-
1. Vay dài hạn	338	4.11	5.909.250.000	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.502.334.067	1.868.643.861
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.12	2.502.334.067	1.868.643.861
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.144.500.000	1.144.500.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.357.834.067	724.143.861
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		724.143.861	-
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		633.690.206	724.143.861
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		14.517.574.275	8.773.503.086



Sundaram Sridharan
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng 06 năm 2020

Người lập

Lê Thị Thanh Xuân
Phụ trách kế toán

CÔNG TY TNHH HCL TECHNOLOGIES VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Saigon Tower, 29 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Từ 01/04/2019 đến 31/03/2020	Từ 27/04/2018 đến 31/03/2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	5.1	16.366.138.917	11.542.277.793
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		16.366.138.917	11.542.277.793
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	11.939.977.674	9.164.732.219
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.426.161.243	2.377.545.574
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	62.620.000	91.393.202
7. Chi phí tài chính	22	5.4	355.454.311	147.783.976
Trong đó, chi phí lãi vay	23		216.618.244	114.188.621
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	2.924.751.418	1.415.960.258
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.208.575.514	905.194.542
10. Chi phí khác	32		24.819.444	-
11. Lợi nhuận khác	40		(24.819.444)	-
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.183.756.070	905.194.542
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.7	822.958.036	181.050.681
14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(272.892.172)	-
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		633.690.206	724.143.861



Phê duyệt

Sundaram Sridharan
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng 06 năm 2020

Người lập

Lê Thị Thanh Xuân
Phụ trách kế toán

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Từ 01/04/2019 đến 31/03/2020	Từ 27/04/2018 đến 31/03/2019
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1.183.756.070	905.194.542
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ	02	4.5	45.404.003	-
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		84.181.719	(30.932.316)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(4.708.298)	(1.737.409)
Chi phí lãi vay	06		216.618.244	114.188.621
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		1.525.251.738	986.713.438
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1.854.772.302)	(6.893.546.711)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(186.560.846)	
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		4.535.593.944	812.661.103
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(134.433.783)	(130.422.403)
Tiền lãi vay đã trả	14		(39.065.507)	-
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.7	(547.856.938)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		3.298.156.306	(5.224.594.573)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.458.210.212)	-
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.708.298	1.737.409
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.453.501.914)	1.737.409
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	1.144.500.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	5.800.750.000	5.827.950.000
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(5.793.750.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		7.000.000	6.972.450.000
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM	50		1.851.654.392	1.749.592.836
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		1.749.533.972	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		8.557.098	(58.864)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	4.1	3.609.745.462	1.749.533.972



Phê duyệt

Sundaram Sridharan
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng 06 năm 2020

Người lập

Lê Thị Thanh Xuân
Phụ trách kế toán

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty TNHH HCL Technologies Việt Nam (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo:

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư lần đầu số 5438725492 ngày 16 tháng 04 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0315017737 ngày 27 tháng 04 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 01 tháng 02 năm 2019.

Vốn đầu tư theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư là 50.000 USD (tương đương 1.137.500.000 VND), được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia	Tại ngày 31/03/2020		Tại ngày 01/04/2019	
		Giá trị (USD)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (USD)	Tỷ lệ (%)
HCL Technologies UK Limited	Anh	50.000,00	100%	50.000,00	100%

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Tầng 16, Saigon Tower, 29 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2020 là 14 người (31/03/2019: 24 người).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Dịch vụ.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Dịch vụ tư vấn liên quan đến lắp đặt phần cứng máy tính;
- Dịch vụ tư vấn phát triển và thực hiện phần mềm;
- Dịch vụ xử lý dữ liệu, dịch vụ cơ sở dữ liệu và dịch vụ truyền dẫn dữ liệu và tin;
- Dịch vụ máy tính khác;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- ☐ Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 và kết thúc ngày 31 tháng 03.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Ngoại tệ

Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá Bloomberg.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 03 năm 2020 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 03 năm 2020. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.4. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản nợ phải thu không cao hơn giá trị có thể thu hồi được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

- Thiết bị, dụng cụ quản lý 05 năm

3.6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến chi phí thuê văn phòng và chi phí bảo hiểm. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

3.7. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Phải trả nội bộ là các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.8. Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.9. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

3.10. Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

3.11. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

3.12. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ cung cấp trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

3.13. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay, lỗ chênh lệch tỷ giá.

3.14. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về thuế, phí, lệ phí; chi phí dịch vụ mua ngoài (phí dịch vụ chuyên ngành, phí dịch vụ quản lý văn phòng,...) và chi phí bằng tiền khác.

3.15. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Thuế giá trị gia tăng

- Xuất khẩu 0%
- Nội địa 10%

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****4.1. Tiền**

	Tại ngày 31/03/2020 VND	Tại ngày 01/04/2019 VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.609.745.462	1.749.533.972

4.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/03/2020 VND	Tại ngày 01/04/2019 VND
Phải thu khách hàng là các bên có liên quan - Xem thêm mục 7	6.716.110.929	6.688.582.436
Phải thu từ khách hàng:		
Công ty TNHH Công nghệ và Giải pháp CMC Sài Gòn	803.881.483	-
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Công nghệ	271.473.309	-
Cộng	7.791.465.721	6.688.582.436

4.3. Phải thu ngắn hạn khác

Là khoản ký quỹ thuê văn phòng.

4.4. Chi phí trả trước

	Tại ngày 31/03/2020 VND	Tại ngày 01/04/2019 VND
Chi phí thuê văn phòng	120.078.000	13.761.000
Chi phí bảo hiểm	50.609.785	116.661.403
Các khoản khác	94.168.401	-
Cộng	264.856.186	130.422.403

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.5. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND
Nguyên giá:	
Tại ngày 01/04/2019	-
Mua trong năm	803.121.600
Tại ngày 31/03/2020	803.121.600
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Tại ngày 01/04/2019	-
Khấu hao trong năm	45.404.003
Tại ngày 31/03/2020	45.404.003
Giá trị còn lại:	
Tại ngày 01/04/2019	-
Tại ngày 31/03/2020	757.717.597

4.6. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/03/2020 VND		Tại ngày 01/04/2019 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan - Xem thêm mục 7	561.426.763	561.426.763	-	-
Phải trả cho người bán:				
DXC Technology Services Singapore Pte. Ltd.	655.088.612	655.088.612	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ D2N	610.244.470	610.244.470	-	-
Công ty TNHH BDO Consulting (Việt Nam)	303.449.758	303.449.758	-	-
TecEx a division of VATIT Group S.a.r.l	192.510.364	192.510.364	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	293.916.139	293.916.139	14.040.000	14.040.000
Cộng	2.616.636.106	2.616.636.106	14.040.000	14.040.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.7. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 31/03/2020 VND	Trong năm VND		Tại ngày 01/04/2019 VND
	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải nộp
Thuế thu nhập doanh nghiệp	456.151.779	822.958.036	547.856.938	181.050.681
Thuế thu nhập cá nhân	-	279.521.052	279.521.052	-
Cộng	456.151.779	1.102.479.088	827.377.990	181.050.681

4.8. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 31/03/2020 VND	Tại ngày 01/04/2019 VND
Chi phí lãi vay - Xem thêm mục 7	296.498.273	113.942.166
Chi phí lương tháng 13 và thưởng cho nhân viên	92.613.176	137.093.949
Phí dịch vụ kế toán và tư vấn	524.918.250	-
Phí dịch vụ IT	1.007.261.752	-
Phí dịch vụ quản lý văn phòng	88.661.200	464.878.442
Chi phí khác	381.788.601	196.603.987
Cộng	2.391.741.252	912.518.544

4.9. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	Tại ngày 31/03/2020 VND	Tại ngày 01/04/2019 VND
Doanh thu nhận trước từ cung cấp dịch vụ:		
Công ty TNHH Công nghệ và Giải pháp CMC Sài Gòn	139.470.483	-
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Công nghệ	146.721.588	-
Cộng	286.192.071	-

4.10. Phải trả ngắn hạn khác

Là khoản phải trả khác cho các bên liên quan - Xem thêm mục 7.

4.11. Vay dài hạn

Là khoản vay từ bên liên quan theo hợp đồng vay ngày 08 tháng 08 năm 2018, thời hạn 6 năm kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, với mức lãi suất bằng lãi suất Libor + 100 bps - Xem thêm mục 7.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.12. Vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu		
	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Tại ngày 27/04/2018	-	-	-
Tăng vốn trong năm trước	1.144.500.000	-	1.144.500.000
Lãi trong năm trước	-	724.143.861	724.143.861
Tại ngày 01/04/2019	1.144.500.000	724.143.861	1.868.643.861
Lãi trong năm nay	-	633.690.206	633.690.206
Tại ngày 31/03/2020	1.144.500.000	1.357.834.067	2.502.334.067

4.13. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 31/03/2020	Tại ngày 01/04/2019
Ngoại tệ các loại:		
USD	27.523,36	5.886,34

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/04/2019 đến 31/03/2020 VND	Từ 27/04/2018 đến 31/03/2019 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ phần mềm	16.366.138.917	11.542.277.793
Trong đó, doanh thu cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan - Xem thêm mục 7	15.787.348.440	11.542.277.793

5.2. Giá vốn hàng bán

Là giá vốn dịch vụ đã cung cấp.

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/04/2019 đến 31/03/2020 VND	Từ 27/04/2018 đến 31/03/2019 VND
Lãi tiền gửi	4.708.298	1.737.409
Lãi chênh lệch tỷ giá	57.911.702	58.723.477
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	30.932.316
Cộng	62.620.000	91.393.202

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.4. Chi phí tài chính**

	Từ 01/04/2019 đến 31/03/2020 VND	Từ 27/04/2018 đến 31/03/2019 VND
Chi phí lãi vay - Xem thêm mục 7	216.618.244	114.188.621
Lỗ chênh lệch tỷ giá	54.654.348	33.595.355
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	84.181.719	-
Cộng	355.454.311	147.783.976

5.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/04/2019 đến 31/03/2020 VND	Từ 27/04/2018 đến 31/03/2019 VND
Thuế, phí và lệ phí	-	2.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.904.602.326	1.399.387.362
<i>Phí dịch vụ chuyên ngành</i>	<i>1.832.770.035</i>	<i>717.342.794</i>
<i>Phí dịch vụ quản lý văn phòng</i>	<i>583.591.521</i>	<i>464.878.442</i>
<i>Chi phí khác</i>	<i>488.240.770</i>	<i>217.166.126</i>
Chi phí bằng tiền khác	20.149.092	14.572.896
Cộng	2.924.751.418	1.415.960.258

5.6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/04/2019 đến 31/03/2020 VND	Từ 27/04/2018 đến 31/03/2019 VND
Chi phí nhân viên	6.032.783.069	8.267.775.343
Chi phí khấu hao tài sản cố định	45.404.003	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.786.542.020	2.296.344.238
Chi phí bằng tiền khác	-	16.572.896
Cộng	14.864.729.092	10.580.692.477

5.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/04/2019 đến 31/03/2020 VND	Từ 27/04/2018 đến 31/03/2019 VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	638.612.779	181.050.681
Phần còn lại của Chi phí Thuế TNDN của năm trước	184.345.257	-
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	822.958.036	181.050.681

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Từ 01/04/2019 đến 31/03/2020 VND	Từ 27/04/2018 đến 31/03/2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	1.183.756.070	905.194.542
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	2.838.894.554	58.864
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(829.586.727)	-
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	3.193.063.897	905.253.406
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	638.612.779	181.050.681

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo quy định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Từ 01/04/2019 đến 31/03/2020 VND	Từ 27/04/2018 đến 31/03/2019 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	5.800.750.000	5.827.950.000

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Từ 01/04/2019 đến 31/03/2020 VND	Từ 27/04/2018 đến 31/03/2019 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(5.793.750.000)	-

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

- | | |
|---|-----------------------------------|
| 1. HCL Technologies UK Limited | Công ty mẹ |
| 2. HCL Technologies Limited | Công ty mẹ sau cùng |
| 3. Các Công ty thành viên trong cùng Tập đoàn HCL | Công ty thành viên thuộc Tập đoàn |

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/03/2020 VND	Tại ngày 01/04/2019 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng:		
HCL Technologies Limited	1.105.916.702	-
HCL Technologies Philippines, Inc	1.753.773.193	-
HCL Japan Limited	1.151.533.420	3.227.730.013
HCL Technologies Austria GmbH	881.500.550	-
HCL Technologies Colombia S A S	331.329.047	-
HCL Technologies Shanghai Limited	181.044.266	74.890.499
HCL America Inc	-	2.759.620.714
Phải thu các bên liên quan khác	1.311.013.751	626.341.210
Cộng - Xem thêm mục 4.2	6.716.110.929	6.688.582.436
Phải trả người bán ngắn hạn - Xem thêm mục 4.6:		
HCL Technologies Limited	561.426.763	-
Chi phí phải trả ngắn hạn - Xem thêm mục 4.8:		
HCL Singapore Pte. Limited	296.498.273	113.942.166
Phải trả ngắn hạn khác - Xem thêm mục 4.10:		
HCL Technologies UK Limited	355.269.000	-
Vay dài hạn - Xem thêm mục 4.11:		
HCL Singapore Pte. Limited	5.909.250.000	-

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY TNHH HCL TECHNOLOGIES VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Saigon Tower, 29 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Từ 01/04/2019 đến 31/03/2020 VND	Từ 27/04/2018 đến 31/03/2019 VND
Cung cấp dịch vụ:		
HCL Technologies Limited	7.441.845.161	-
HCL Axon (PTY) Ltd	1.808.218.432	402.230.380
HCL Technologies Philippines, Inc	1.753.773.193	-
HCL Technologies Germany GmbH	1.575.669.324	-
HCL Technologies Limited, Portugal Branch	962.302.671	1.861.452.917
HCL Technologies UK Limited	1.450.793	3.002.764.137
Các bên liên quan khác	2.244.088.866	6.275.830.359
Cộng - Xem thêm mục 5.1	15.787.348.440	11.542.277.793

Mua dịch vụ:

HCL Technologies Limited	561.426.763	-
--------------------------	-------------	---

Chi phí lãi vay - Xem thêm mục 5.4:

HCL Singapore Pte. Limited	216.618.244	114.188.621
----------------------------	-------------	-------------

8. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

Phê duyệt



Sundaram Sridharan
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng 06 năm 2020

Người lập

Lê Thị Thanh Xuân
Phụ trách kế toán